

TUẦN 13

TOÁN

TIẾT 61: GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11

I.MỤC TIÊU :

1.Kiến thức:

- Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11

2.Kĩ năng:

- Có kĩ năng nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.

3.Thái độ:

- HS biết áp dụng vào tính nhẩm, tính nhanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Bảng con.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo Hát
2. Kiểm tra bài cũ - GV yêu cầu HS lên bảng đặt tính và tính: 56×23 ; 158×11 ; 39×11 - GV nhận xét - tuyên dương	4	- 3HS lên bảng đặt tính và tính - HS cả lớp làm nháp - nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Giới thiệu nhân nhẩm số có hai chữ số với 11	1	HS nghe và ghi tên bài
3.2 Hoạt động1: HD trường hợp tổng hai chữ số bé hơn 10 - GV ghi bảng: 27×11 , yêu cầu HS đặt tính trên bảng con. - Yêu cầu HS so sánh kết quả là: 297 với thừa số là 27 để rút ra nhận xét. - GV hướng dẫn cách tính: + Bước 1: cộng hai chữ số lại + Bước 2: Nếu kết quả nhỏ hơn 10, ta chỉ việc viết xen số đó vào giữa hai số. - GV kết luận: Để có 297 ta đã viết số 9 (là tổng của hai chữ số 2 & 7) xen giữa hai chữ số của 27 - Cho cả lớp thực hành thêm một số phép tính:	12	- HS tính. - HS nhận xét: giữa hai số 2 & 7 là số 9 - Vài HS nhắc lại cách tính - $35 \times 11 = 385$ $63 \times 11 = 693$ - $42 \times 11 = 462$ $52 \times 11 = 572$
3.3Hoạt động 2: HD trường hợp tổng của hai chữ số lớn hơn hoặc		

<p>bảng 10</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV viết phép tính: 48×11 - Yêu cầu HS đề xuất cách làm. - GV yêu cầu cả lớp đặt tính & tính vào bảng con, từ kết quả để rút ra cách nhân nhẩm đúng: $4 + 8 = 12$, viết 2 xen giữa hai chữ số của 48, được 428. Thêm 1 vào 4, được 528. - Chú ý: trường hợp tổng của hai chữ số bằng 10 làm giống hệt như trên. - GV cho HS kiểm nghiệm thêm một số trường hợp khác. 		<p>Viết xen số 12 vào giữa thành 2127, hoặc đề xuất cách khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tính trên bảng con & rút ra cách tính. - Vài HS nhắc lại cách tính. $84 \times 11 = 924 \qquad 68 \times 11 = 748$ $75 \times 11 = 825 \qquad 59 \times 11 = 649$
<p>3.4Hoạt động 3: Thực hành</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc phép tính. cho HS tính nhẩm & viết kết quả vào vở, - HS đổi vở cho nhau để kiểm tra 	4	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết kết quả trên bảng con. a. 374 b. 1045 c. 902 HS nhận xét bài bạn
<p>Bài tập 2</p> <p>Gọi hs đọc yêu cầu</p> <p>GV gọi 2 hs lên bảng làm bài</p> <p>Muốn tìm số bị chia ta làm thế nào ?</p>	4	<p>Tìm x</p> <p>a. $x : 11 = 25$ $x = 25 \times 11$ $x = 275$</p> <p>b. $x : 11 = 78$ $x = 78 \times 11$ $x = 858$</p>
<p>Bài tập 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? <p>Yêu cầu cả lớp giải vào vở</p> <p>GV chấm một số bài – nhận xét</p>	6	<p>HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Số HS khối lớp Bốn có là : $11 \times 17 = 187$ (học sinh)</p> <p>Số HS khối lớp Năm có là : $11 \times 15 = 165$ (học sinh)</p> <p>Số HS cả hai khối lớp có tất cả là: $187 + 165 = 352$ (học sinh)</p> <p><u>Đáp số</u> : 352 (học sinh)</p>
<p>Bài tập 4:</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS trao đổi nhóm để rút ra câu b đúng. 	5	<p>HS đọc yêu cầu bài, thảo luận theo bàn , cử đại diện lên bảng thi đua – HS cả lớp theo dõi</p> <ul style="list-style-type: none"> - a, c, d, (sai) b(đúng)

4. Củng cố - Nêu cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11? - Nhận xét tiết học	2	2 HS nêu cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11
5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Nhân với số có ba chữ số.	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

TẬP ĐỌC

TIẾT 25: NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Xi-ôn-cốp-xki); biết đọc phân biệt lời nhân vật và lời dẫn câu chuyện
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-cốp-xki nhờ khổ công nghiên cứu kiên trì, bền bỉ suốt 40 năm đã thực hiện thành công mơ ước tìm đường lên các vì sao.

2.Kĩ năng:

- HS đọc lưu loát toàn bài. Đọc trơn tên riêng tiếng nước ngoài Xi-ôn-cốp-xki.
- Biết đọc bài với giọng trang trọng, cảm hứng ca ngợi, khâm phục

3. Thái độ:Luôn kiên trì, bền bỉ trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Tranh ảnh về kính khí cầu, tên lửa, con tàu vũ trụ.
- Bảng phụ viết sẵn câu, đoạn văn cần hướng dẫn HS luyện đọc

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ - GV yêu cầu 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc bài Vẽ trứng & trả lời câu hỏi SGK - GV nhận xét	4	- HS nối tiếp nhau đọc bài và trả lời câu hỏi - HS nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Một trong những người đầu tiên tìm đường lên không vũ trụ là nhà bác học Xi-ôn-cốp-xki, người Nga (1857 – 1935). Xi-ôn-cốp-xki đã gian khổ, vất vả như thế nào để tìm được đường lên các vì sao, bài đọc hôm nay sẽ giúp	1	- HS quan sát tranh minh họa chân dung Xi-ôn-cốp-xki Ghi tên bài đọc

các em hiểu điều đó.		
<p>3.2 <u>Hoạt động 1</u>: Hướng dẫn luyện đọc</p> <p>GV chia đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chú ý khen HS đọc đúng kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng đọc không phù hợp -GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc. -GV giới thiệu ảnh tàu Phương Đông 1 đưa Ga-ga-rin vào vũ trụ, tranh ảnh về kính khí cầu, tên lửa, tàu vũ trụ... <p>Yêu cầu HS đọc lại toàn bài</p> <p>GV đọc diễn cảm cả bài</p> <p>Chú ý nhấn giọng những từ ngữ nói về ý chí, nghị lực, khao khát hiểu biết của Xi-ôn-cốp-xki: <i>nhảy qua, gãy chân, vì sao, không biết bao nhiêu, hì hục, hàng trăm, chinh phục.....</i></p>	10	<ul style="list-style-type: none"> + Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài tập đọc(2 – 3 lượt) + Đoạn 1: 4 dòng đầu + Đoạn 2: 7 dòng tiếp theo + Đoạn 3: 6 dòng tiếp theo + Đoạn 4: 3 dòng còn lại + HS nhận xét cách đọc của bạn + HS đọc thầm phần chú giải - HS quan sát tranh, ảnh sưu tầm - HS luyện đọc theo cặp <p>1 HS đọc lại toàn bài</p> <p>HS nghe</p>
<p>3.3Hoạt động 2: Hướng dẫn tìm hiểu bài</p> <p>Yêu cầu HS đọc thầm bài và trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xi-ôn-cốp-xki mơ ước điều gì? - Ông kiên trì thực hiện mơ ước của mình như thế nào? - Nguyên nhân chính giúp Xi-ôn-cốp-xki thành công là gì? <p>* GV giới thiệu thêm về Xi-ôn-cốp-xki (SGV / 260, tập 1)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đặt tên khác cho truyện? - Truyện ca ngợi ai? Ca ngợi về điều gì? 	11	<p>HS đọc thầm bài, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xi-ôn-cốp-xki từ nhỏ đã mơ ước được bay lên bầu trời - Ông sống rất kham khổ để dành dụm tiền mua sách vở & dụng cụ thí nghiệm. Sa hoàng không ủng hộ phát minh về khí cầu bay bằng kim loại của ông nhưng ông không nản chí. Ông đã kiên trì nghiên cứu & thiết kế thành công tên lửa nhiều tầng, trở thành phương tiện bay tới các vì sao - Xi-ôn-cốp-xki thành công vì ông có ước mơ chinh phục các vì sao, có nghị lực, quyết tâm thực hiện mơ ước <p>-Cả lớp thảo luận, đặt tên khác cho truyện.VD: Người chinh phục các vì sao</p> <p>Nội dung chính: Ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-cốp-xki nhờ khổ công nghiên cứu kiên trì, bền bỉ suốt 40 năm đã thực hiện thành công mơ ước</p>

		tìm đường lên các vì sao.
3.4Hoạt động 3: Hướng dẫn đọc diễn cảm - GV mời HS đọc tiếp nối nhau từng đoạn trong bài - GV hướng dẫn, nhắc nhở HS để các em tìm đúng giọng đọc bài văn & thể hiện diễn cảm - GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn (<i>Từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước hàng trăm lần</i>) - GV cùng trao đổi, thảo luận với HS cách đọc diễn cảm (ngắt, nghỉ, nhấn giọng) - GV sửa lỗi cho HS	10	- Mỗi HS đọc 1 đoạn theo trình tự các đoạn trong bài - HS nhận xét, điều chỉnh lại cách đọc cho phù hợp - HS luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp - HS đọc trước lớp - Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm (đoạn, bài) trước lớp
4. Củng cố - Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? - GV nhận xét tiết học.	2	2 HS nêu
5. Dặn dò Về nhà tiếp tục luyện đọc bài văn, chuẩn bị bài: Văn hay chữ tốt	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

CHÍNH TẢ

TIẾT 13: (NGHE VIẾT) NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Nghe – viết đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn trong bài: **Người tìm đường lên các vì sao**

- làm đúng BT (2) b BT (3) a ,b

2.Kĩ năng:

- Làm đúng các bài tập phân biệt các âm đầu l/n hoặc các âm chính(âm giữa vần) i/ iê

3. Thái độ:

Trình bày bài cẩn thận, sạch sẽ. Có ý thức rèn chữ viết đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC :

Bảng phụ ghi nội dung BT2b

Phiếu bài tập ghi nội dung bài tập 3b

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ GV đọc cho cả lớp viết vào bảng	4	2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng

<p>con các từ ngữ bắt đầu âm tr/ ch; vần ươn/ ương. GV nhận xét</p>		<p>con: nhà trường, khu vườn, vương vãi, trên nương, ... HS nhận xét</p>
<p>3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài - Nghe – viết đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn trong bài:Người tìm đường lên các vì sao</p>	1	<p>hs nghe và ghi bài</p>
<p>3.2 Hoạt động1: HDHS nghe -viết chính tả GV đọc đoạn văn cần viết chính tả 1 lượt (Từ đầu đến ... hàng trăm lần) - GV mời 1 HS đọc lại đoạn văn & yêu cầu cả lớp trả lời câu hỏi: +Đoạn văn cho ta biết điều gì? -GV yêu cầu HS đọc lại đoạn văn & tìm những từ dễ viết sai - GV viết bảng- nhắc HS chú ý viết tên riêng theo đúng quy định. - GV yêu cầu HS viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con - GV đọc từng câu, từng cụm từ 2 lượt cho HS viết - GV đọc toàn bài chính tả 1 lượt - GV chấm bài 1 số HS & yêu cầu từng cặp HS đổi vở soát lỗi cho nhau - GV nhận xét chung</p>		<p>HS theo dõi trong SGK</p> <p>1 HS đọc đoạn văn & nêu nội dung đoạn văn: + Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được bay lên bầu trời. - HS đọc thầm lại đoạn văn cần viết, nêu những hiện tượng mình dễ viết sai và tên riêng nước ngoài: Xi-ôn-cốp-xki, nhảy, rủi ro, gãy chân, thí nghiệm.</p> <p>- HS luyện viết bảng con</p> <p>- HS nghe – viết - HS soát lại bài - HS đổi vở cho nhau để soát lỗi chính tả</p>
<p>3.3Hoạt động 2: HDHS làm bài tập chính tả Bài tập 2: GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 2b GV treo bảng phụ sửa bài: GV nhận xét kết quả bài làm của HS (có đối chiếu với vở viết)</p>		<p>- HS đọc yêu cầu của bài tập - Cả lớp đọc thầm bài HS tự đọc bài và làm bài vào vở nháp - Từng cặp HS đổi bài cho nhau để sửa chéo - Những HS làm bài trên phiếu dán bài lên bảng lớp Các từ cần điền: nghiêm, phát minh, kiên trì, thí nghiệm, thí nghiệm, nghiên cứu, thí nghiệm, bóng đèn, thí nghiệm.</p>

<p><u>Bài tập 3:</u> GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 3b, yêu cầu HS làm bài vào phiếu + 2 HS làm vào bảng phụ GV treo bảng phụ sửa bài nêu kết quả đúng.</p>		<p>- Cả lớp nhận xét</p> <p>HS đọc yêu cầu bài tập 3b + làm bài vào phiếu học tập – HS trình bày trước lớp. + Kết quả đúng: cái kim, tiết kiệm, tim.</p>
<p>4. Cũng cố Yêu cầu HS ghi nhớ các hiện tượng chính tả trong bài. Nhận xét tiết học.</p>	2	HS nêu các từ cần ghi nhớ
<p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài : “Chiếc áo búp bê”</p>	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

TOÁN
TIẾT 62: NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

- Biết cách nhân với số có 3 chữ số
- Tính được giá trị của biểu thức

2. Kỹ năng:

- Biết đặt tính & tính để nhân với số có ba chữ số.

3. Thái độ:

- HS biết áp dụng trong cuộc sống hàng ngày

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo Hát
2. Kiểm tra bài cũ GV yêu cầu HS lên bảng tính - Nêu cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11? - GV nhận xét	4	- 2HS lên bảng - 43x11 34x11 46x11 11x39 - HS cả lớp theo dõi nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Nhân với số có ba chữ số.	1	HS ghi tên bài
3.2 <u>Hoạt động 1:</u> Tìm cách tính 164 x 123 = ?	5	

<p>- GV đặt vấn đề: Ta đã biết đặt tính & tính 164×100, 164×20, 164×3, nhưng chưa học cách tính 164×123. Các em hãy tìm cách tính phép tính này?</p> <p>GV chốt: ta nhận thấy 123 là tổng của 100, 20 & 3, do đó có thể nói rằng: 164×123 là tổng của 164×100, 164×20, 164×3</p>		<p>- HS tính trên bảng con. - HS tự nêu cách tính khác nhau.</p> $ \begin{aligned} &164 \times 123 \\ &= 164 \times (100 + 20 + 3) \\ &= 164 \times 100 + 164 \times 20 + 164 \times 3 \\ &= 16400 + 3280 + 492 \\ &= 20172 \end{aligned} $			
<p>3.3Hoạt động 2: Giới thiệu cách đặt tính & tính.</p> <p>- GV đặt vấn đề: để tìm 164×123 ta phải thực hiện ba phép nhân (164×100, 164×20, 164×3) & phép tính cộng</p> <p>- GV yêu cầu HS tự đặt tính. - GV hướng dẫn HS tính: - GV viết đến đâu, cần phải giải thích ngay đến đó, đặc biệt cần giải thích rõ: + 492 gọi là tích riêng thứ nhất. + 328 gọi là tích riêng thứ hai. Vì đây là 328 chục nên phải viết thẳng với hàng chục, nghĩa là thụt vào một hàng so với tích riêng thứ nhất. + 164 gọi là tích riêng thứ ba. Tích này cũng phải viết thụt vào 1 hàng so với tích riêng thứ hai. - Cho HS ghi tiếp vào vở các tên gọi</p>	6	<p>- HS tự đặt tính rồi tính. - HS tập tính trên bảng con.</p> $ \begin{array}{r} 164 \\ \times 123 \\ \hline 492 \\ 328 \\ 614 \\ \hline 65172 \end{array} $ <p>- HS viết vào vở nháp, vài HS nhắc lại.</p>			
<p>3.4Hoạt động 3: Thực hành Bài tập 1: Gọi HS đọc yêu cầu bài</p> <p>- Yêu cầu HS làm trên bảng con. - GV cần lưu ý: đây là bài tập cơ bản, cần kiểm tra kỹ, đảm bảo tất cả HS đều biết cách làm.</p> <p>Gv cùng HS sửa bài - nhận xét.</p>	10	<p>-HS đọc yêu cầu bài, thực hiện tính trên bảng con.</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">$\begin{array}{r} 428 \\ \times 321 \\ \hline 428 \\ 856 \\ 1274 \\ \hline 136388 \end{array}$</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">$\begin{array}{r} 1163 \\ \times 125 \\ \hline 5815 \\ 2326 \\ 1163 \\ \hline 145375 \end{array}$</td> <td style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 3124 \\ \times 213 \\ \hline 9372 \\ 3124 \\ 6248 \\ \hline 665412 \end{array}$</td> </tr> </table>	$\begin{array}{r} 428 \\ \times 321 \\ \hline 428 \\ 856 \\ 1274 \\ \hline 136388 \end{array}$	$\begin{array}{r} 1163 \\ \times 125 \\ \hline 5815 \\ 2326 \\ 1163 \\ \hline 145375 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3124 \\ \times 213 \\ \hline 9372 \\ 3124 \\ 6248 \\ \hline 665412 \end{array}$
$\begin{array}{r} 428 \\ \times 321 \\ \hline 428 \\ 856 \\ 1274 \\ \hline 136388 \end{array}$	$\begin{array}{r} 1163 \\ \times 125 \\ \hline 5815 \\ 2326 \\ 1163 \\ \hline 145375 \end{array}$	$\begin{array}{r} 3124 \\ \times 213 \\ \hline 9372 \\ 3124 \\ 6248 \\ \hline 665412 \end{array}$			
<p>Bài tập 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài</p>	7	<p>HS đọc yêu cầu bài + Đây là dạng toán biểu thức chứa hai</p>			

<p>Đây là dạng toán nào?</p> <p>- Yêu cầu HS tính nháp rồi nêu miệng kết quả.</p> <p>Gv nhận xét nêu kết quả đúng</p>		<p>chữ.</p> <p>- HS nêu miệng kết quả.</p> <table border="1"> <tr> <td>a</td> <td>262</td> <td>262</td> <td>263</td> </tr> <tr> <td>b</td> <td>130</td> <td>131</td> <td>132</td> </tr> <tr> <td>a x b</td> <td>34 060</td> <td>34 322</td> <td>34 453</td> </tr> </table>	a	262	262	263	b	130	131	132	a x b	34 060	34 322	34 453
a	262	262	263											
b	130	131	132											
a x b	34 060	34 322	34 453											
<p>Bài tập 3:</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu bài</p> <p>- Bài toán cho biết gì?</p> <p>- Bài toán hỏi gì?</p> <p>- Nêu cách tính d/t hình vuông ?</p> <p>Yêu cầu cả lớp giải vào vở</p> <p>GV chấm một số vở – nhận xét</p>	5	<p>HS đọc yêu cầu bài, ghi tóm tắt và giải vào vở</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Diện tích mảnh vườn hình vuông là :</p> <p style="text-align: center;">$125 \times 125 = 15\,625(m^2)$</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số</u> :15 625 m²</p>												
<p>4. Củng cố</p> <p>Nêu cách nhân với số có 3 chữ số?</p> <p>- Nhận xét tiết học</p>	2	HS nêu cách nhân												
<p>5. Dặn dò</p> <p>Chuẩn bị bài:Nhân với số có ba chữ số (tt)</p>	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu												

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Tiết 25: MỞ RỘNG VỐN TỪ: Ý CHÍ – NGHỊ LỰC

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết tìm từ (BT1), đặt câu (BT2), viết đoạn văn ngắn (BT3) có sử dụng các từ ngữ hướng vào chủ điểm đang học.

2.Kĩ năng:

- Luyện tập mở rộng vốn từ thuộc chủ điểm trên, hiểu sâu hơn các từ ngữ thuộc chủ điểm.

3. Thái độ:

- Yêu thích tìm hiểu Tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Phiếu kẻ sẵn các cột a, b (theo nội dung BT1) thành các cột danh từ, động từ, tính từ (theo nội dung BT2)

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học

		tập
<p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc lại nội dung cần ghi nhớ về 3 cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất - Yêu cầu 2 HS tìm những từ ngữ miêu tả mức độ khác nhau của các đặc điểm: <i>đỏ</i>. (chú ý tìm từ ngữ thể hiện cả 3 mức độ) - GV nhận xét 	4	<ul style="list-style-type: none"> 1 HS đọc lại nội dung cần ghi nhớ về 3 cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất - 2 HS tìm những từ ngữ miêu tả mức độ khác nhau của các đặc điểm: <i>đỏ</i>. (chú ý tìm từ ngữ thể hiện cả 3 mức độ) - <i>đỏ đỏ, đỏ, đỏ chót</i> - HS nhận xét
<p>3 Bài mới</p> <p>3.1 Giới thiệu bài <i>MRVT Ý chí - Nghị lực</i></p>	1	HS nghe và ghi tên bài
<p>3.2 Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV phát phiếu + vài trang từ điển phổ thông cho các nhóm làm bài - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng - GV mời 2 HS – mỗi em đọc từ ở 1 cột. 	10	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài tập. Cả lớp đọc thầm lại, trao đổi theo nhóm - Đại diện các nhóm trình bày kết quả bài làm trước lớp. - Lời giải đúng: <ul style="list-style-type: none"> a) Các từ nói lên ý chí, nghị lực của con người: <i>quyết chí, quyết tâm, bền gan, bền chí, bền lòng, kiên nhẫn, kiên trì, kiên nghị, kiên tâm, kiên cường, kiên quyết, vững tâm, vững chí, vững dạ, vững lòng ...</i> b) Các từ nêu lên những thử thách đối với ý chí, nghị lực của con người: <i>khó khăn, gian khổ, gian khó, gian nan, gian lao, gian truân, thử thách, thách thức, chông gai</i>
<p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV nhận xét, ghi nhanh lên bảng một số câu hay. <p>GV chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có một số từ vừa là danh từ, vừa là tính từ. <p>Ví dụ: + <i>Gian khổ</i> không làm anh nhụt chí. (danh từ)</p>	7	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc Đặt câu với từ bài tập 1 - HS đọc yêu cầu bài tập - HS làm bài vào VBT – mỗi em đặt 2 câu, 1 câu với từ ở nhóm a, 1 câu với từ ở nhóm b. - Từng HS lần lượt đọc 2 câu mà mình đã đặt được. - Cả lớp nhận xét, góp ý

<p>+ Công việc ấy rất gian khổ. (tính từ)</p> <p>- Có một số từ vừa là danh từ, vừa là tính từ vừa là động từ</p> <p>Ví dụ:</p> <p>+ Khó khăn không làm anh nản chí (danh từ)</p> <p>+ Công việc này rất khó khăn (tính từ)</p> <p>+ Đừng khó khăn với tôi ! (động từ)</p> <p>- Nhận xét bài làm của học sinh</p>		
<p>Bài tập 3:</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- GV nhắc HS:</p> <p>+ Viết đoạn văn đúng theo yêu cầu của đề bài: nói về một người có ý chí, có nghị lực nên đã vượt qua nhiều thử thách, đạt được thành công.</p> <p>+ Có thể kể về một người em biết nhờ đọc sách, báo, nghe qua ai đó kể lại hoặc kể người thân trong gia đình em, người hàng xóm nhà em.</p> <p>+ Có thể mở đầu hoặc kết thúc đoạn văn bằng một thành ngữ hay tục ngữ. Sử dụng những từ tìm được ở BT1 để viết bài.</p> <p>- GV nhận xét, cùng HS bình chọn bạn viết đoạn văn hay nhất.</p>	13	<p>- HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- HS nhắc lại các thành ngữ, tục ngữ đã học hoặc đã biết.</p> <p>- HS suy nghĩ, viết đoạn văn vào VBT</p> <p>- HS tiếp nối nhau đọc đoạn văn đã viết trước lớp.</p> <p>- Cả lớp cùng GV nhận xét, bình chọn bạn viết đoạn văn hay nhất.</p> <p>Ví dụ:</p> <p><i>Bạch Thái Bưởi là nhà kinh doanh rất có chí. Ông đã từng thất bại trên thương trường, có lúc mất trắng tay nhưng ông không nản chí. “Thua keo này, bày keo khác”, ông lại quyết chí làm lại từ đầu.</i></p>
<p>4. Cũng cố</p> <p>- GV cùng HS nhận xét tiết học</p> <p>- Yêu cầu HS ghi lại vào sổ tay từ ngữ những từ ở BT2</p>	2	HS nêu nội dung bài học
<p>5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Câu hỏi & dấu chấm hỏi</p>	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

KỂ CHUYỆN

TIẾT 13: KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I.MỤC TIÊU:

1 Kiến thức

- HS chọn được một câu chuyện mình đã nghe đã đọc thể hiện tinh thần kiên trì vượt khó.
- Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện.
- Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa câu chuyện.
- Lời kể tự nhiên, chân thực, có thể kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ.

2.kĩ năng

- Chăm chú theo dõi bạn kể chuyện. Nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn.

3. Thái độ

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bảng lớp viết đề bài.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ Kể chuyện đã nghe, đã đọc - Yêu cầu 1 HS kể câu chuyện các em đã nghe, đã đọc về người có nghị lực. Sau đó trả lời câu hỏi về nhân vật hay ý nghĩa câu chuyện mà các bạn trong lớp đặt ra. - GV nhận xét	4	<ul style="list-style-type: none"> - HS kể và trả lời câu hỏi - HS nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài Trong tiết kể chuyện tuần trước, các em đã kể những chuyện đã nghe, đã đọc về những người có nghị lực, có ý chí vượt khó để vươn lên. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ kể một câu chuyện về những người có tinh thần kiên trì vượt khó . Giờ học này sẽ giúp các em biết: bạn nào biết nhiều điều về cuộc sống của những người xung quanh. - GV kiểm tra HS đã tìm đọc truyện ở nhà như thế nào) GV mời một số HS giới thiệu nhanh những truyện mà các em mang đến lớp	1	<ul style="list-style-type: none"> - HS giới thiệu nhanh câu chuyện mà mình tìm được.
3.2 Hoạt động 1:HD HS hiểu yêu cầu của đề bài - GV gạch dưới những từ ngữ quan trọng, giúp HS xác định đúng yêu cầu của đề bài: <i>Kể một câu chuyện em đã được nghe, được đọc thể hiện</i>	5	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài & gợi ý 1

<p><i>tin thần kiên trì vượt khó.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc HS: + Lập dàn ý câu chuyện trước khi kể. + Dùng từ xưng hô – tôi (kể cho bạn ngồi bên, kể trước lớp) - GV khen ngợi nếu có những HS chuẩn bị dàn bài tốt. 		<ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nối nhau giới thiệu câu chuyện mà mình chọn
<p>3.3Hoạt động 3: Thực hành kể chuyện</p> <p>a)Yêu cầu HS kể chuyện theo nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đến từng nhóm, nghe HS kể, hướng dẫn, góp ý. <p>b) Yêu cầu HS thi kể chuyện trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV dán lên bảng tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nội dung câu chuyện có mới, có hay không? (HS nào tìm được truyện ngoài SGK được tính thêm điểm ham đọc sách)</i> + <i>Cách kể (giọng điệu, cử chỉ)</i> + <i>Khả năng hiểu truyện của người kể.</i> - GV viết lần lượt lên bảng tên những HS tham gia thi kể & tên truyện của các em (không viết sẵn, không chọn trước) để cả lớp nhớ khi nhận xét, bình chọn - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất 	25	<ul style="list-style-type: none"> - Từng cặp HS kể chuyện cho nhau nghe - Mỗi HS kể lại toàn bộ câu chuyện - HS xung phong thi kể trước lớp - Mỗi HS kể chuyện xong đều nói ý nghĩa câu chuyện của mình trước lớp hoặc trao đổi cùng bạn, đặt câu hỏi cho các bạn hoặc trả lời câu hỏi của cô giáo, của các bạn về nhân vật, chi tiết, ý nghĩa câu chuyện. <p>HS cùng GV bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất</p>
<p>4. Củng cố</p> <p>GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể hay, nghe bạn chăm chú, nêu nhận xét chính xác</p>	2	HS nêu nội dung bài học
<p>5. Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS về nhà tập kể lại câu chuyện cho người thân. - - Chuẩn bị bài: Búp bê của ai? 	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

KHOA HỌC

TIẾT 25: NƯỚC BỊ Ô NHIỄM

I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức

- Nêu đặc điểm chính của nước sạch và nước bị ô nhiễm:
- +Nước sạch : trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinh vật hoặc các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ con người.
- +Nước bị ô nhiễm:có màu,có chất bẩn,có mùi hôi,chứa vi sinh vật nhiều quá mức cho phép ,chứa các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ

2. Kỹ năng:

- Phân biệt nước sạch , nước bẩn . Biết sử dụng nước sạch . Có ý thức bảo vệ nguồn nước

3. Thái độ:

- Ham học hỏi, tìm hiểu khoa học, tìm hiểu thế giới xung quanh.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Hình trang 52, 53 SGK
- Dặn HS chuẩn bị theo nhóm:
 - Một chai nước sông hay hồ, ao (hoặc nước đã dùng như rửa tay, giặt khăn lau bảng), một chai nước giếng hoặc nước máy
 - Hai chai không
 - Hai phễu lọc nước, bông để lọc nước
 - Một kính lúp (nếu có)

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập
2. Kiểm tra bài cũ Nước cần cho sự sống - Vai trò của nước đối với sự sống của con người, động vật và thực vật như thế nào? - GV nhận xét	4	- 2 HS trả lời - HS nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Nước bị ô nhiễm	1	HS nghe và ghi bài
3.2 Hoạt động 1: Tìm hiểu về một số đặc điểm của nước trong tự nhiên Mục tiêu: HS có thể: ➤ Phân biệt được nước trong và nước đục bằng cách quan sát và	15	

thí nghiệm

➤ *Giải thích tại sao nước sông hồ thường đục và không sạch*

Cách tiến hành:

- GV chia 2 nhóm và đề nghị các nhóm trưởng báo cáo về việc chuẩn bị các đồ dùng để quan sát và làm thí nghiệm

- Tiếp theo, GV yêu cầu các em đọc các mục *Quan sát và thực hành* trang 52 để biết cách làm

GV theo dõi và giúp đỡ :

a) Tiến trình quan sát và làm thí nghiệm chứng minh: chai nào là nước sông, chai nào là nước giếng

b) Nếu có kính hiển vi: GV hướng dẫn HS quan sát 1 ít nước hồ, ao để phát hiện những vi sinh vật sống ở đó. Nếu không có kính hiển vi, HS nghiên cứu SGK phần này và thảo luận câu hỏi: bằng mắt thường bạn cũng có thể nhìn thấy những thực vật nào sống ở ao, hồ?

- Khi các nhóm làm xong, GV tới kiểm tra kết quả và nhận xét. Nếu có nhóm nào ra kết quả khác, GV yêu cầu các em tìm nguyên nhân xem tiến trình làm việc bị nhầm lẫn ở đâu

- GV khen ngợi nhóm thực hiện đúng quy trình của thí nghiệm

- Yêu cầu đại diện các nhóm trả lời câu hỏi: tại sao nước sông, hồ, ao hoặc nước đã dùng rồi thì đục hơn nước mưa, nước giếng, nước máy?

Kết luận của GV:

- Đại diện nhóm báo cáo

- HS đọc

- Trước hết cả 2 nhóm cùng quan sát 2 chai nước đem theo và đoán xem chai nào chứa nước sông, chai nào chứa nước giếng

- Khi cả nhóm đã thống nhất (ví dụ chai nước nào trong hơn là chai nước giếng, chai nước nào đục hơn là chai nước sông), nhóm trưởng đề nghị một bạn viết nhãn và dán vào 2 chai đang chứa 2 loại nước và vào 2 chai chưa có nước

- Cả nhóm cùng thảo luận để đưa ra cách giải thích. Ví dụ: nước giếng trong hơn vì chứa ít chất không tan, nước sông đục hơn vì chứa nhiều chất không tan

- 2 đại diện của nhóm sẽ dùng 2 phễu để lọc nước vào 2 chai đã chuẩn bị nêu trên

- Cả nhóm cùng quan sát 2 miếng bông vừa lọc nêu nhận xét:

+ Miếng bông dùng để lọc nước giếng sạch hơn miếng bông dùng để lọc nước sông.

Cả nhóm rút ra kết luận nước sông đục hơn nước giếng vì nó chứa nhiều chất không tan hơn. Như vậy giả thiết cả nhóm đưa ra trước khi lọc nước là đúng

<p>-Nước sông, hồ, ao hoặc nước đã dùng rồi thường bị lẫn nhiều đất, cát, đặc biệt nước sông có nhiều phù sa nên chúng thường bị vẩn đục.</p> <p>-Lưu ý: Nước hồ, ao có nhiều loại tảo sinh sống nên thường có màu xanh</p> <p>-Nước mưa giữa trời, nước giếng, nước máy không bị lẫn nhiều đất, cát, bụi nên thường trong</p>														
<p>3.3Hoạt động 2: Xác định tiêu chuẩn đánh giá nước bị ô nhiễm và nước sạch</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được đặc điểm chính của nước sạch và nước bị ô nhiễm</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thảo luận và đưa ra các tiêu chuẩn về nước sạch và nước bị ô nhiễm theo suy nghĩ của các em</p> <p>+ Thế nào là nước bị ô nhiễm?</p> <p>+ Thế nào là nước sạch?</p> <p>Làm việc theo nhóm</p> <p>- GV yêu cầu HS mở sách trang 52 để đối chiếu xem nhóm mình làm sai, đúng ra sao</p>	13	<p>- Đại diện nhóm trả lời – HS các nhóm khác nhận xét</p> <p>+ Nước bị ô nhiễm có màu, có chất bẩn, có mùi lạ, có chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, chứa các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ.</p> <p>+ Nước sạch trong suốt, không màu, không mùi, không vị, ít vi sinh vật không gây hại cho sức khoẻ, có chất hoà tan không gây hại.</p> <p>- Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận theo hướng dẫn của GV. Kết quả thảo luận nhóm được thư kí ghi lại</p> <p>Đại diện các nhóm treo kết quả thảo luận của nhóm mình lên bảng*</p> <table border="1" data-bbox="746 1751 1369 2065"> <thead> <tr> <th>Tiêu chuẩn ĐG</th> <th>Nước bị ô nhiễm</th> <th>Nước sạch</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Màu</td> <td>Có màu, vẩn đục</td> <td>Trong suốt không màu</td> </tr> <tr> <td>2. Mùi</td> <td>Có mùi lạ</td> <td>Không mùi</td> </tr> <tr> <td>3. Vị</td> <td></td> <td>Không vị</td> </tr> </tbody> </table>	Tiêu chuẩn ĐG	Nước bị ô nhiễm	Nước sạch	1. Màu	Có màu, vẩn đục	Trong suốt không màu	2. Mùi	Có mùi lạ	Không mùi	3. Vị		Không vị
Tiêu chuẩn ĐG	Nước bị ô nhiễm	Nước sạch												
1. Màu	Có màu, vẩn đục	Trong suốt không màu												
2. Mùi	Có mùi lạ	Không mùi												
3. Vị		Không vị												

- GV nhận xét và khen thưởng nhóm có kết quả đúng Kết luận của GV:		4. Vi sinh vật	Nhiều quá mức cho phép	Không có hoặc rất ít không đủ gây hại
		5. Các chất hoà tan	Chứa nhiều chất hoà tan có hại cho sức khoẻ.	Không có hoặc có các chất khoáng có lợi với tỉ lệ thích hợp.
		2HS đọc mục Bạn cần biết trang 53 SGK		
4. Củng cố - nguồn nước ở địa phương em có bị ô nhiễm không? Em cần làm gì để bảo vệ nguồn nước ? GV nhận xét .	2	HS nêu ý kiến HS nhận xét		
5. Dặn dò Chuẩn bị bài: Nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu		

LỊCH SỬ

TIẾT 13 : CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC LẦN THỨ HAI (NĂM 1075 – 1077)

I/MỤC TIÊU:

1.Kiến thức

- Biết những nét chính về trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt
- + Lý Thường Kiệt chủ động xây dựng phòng tuyến trên bờ nam sông Như Nguyệt
- + Quân địch do Quách Quỳ chỉ huy từ bờ bắc tổ chức tiến công
- Lý Thường Kiệt chỉ huy quân ta bất ngờ tấn công đánh thẳng vào doanh trại của giặc .

Quân địch không chống cự nổi , tìm đường tháo chạy .

- Vài nét về công lao của Lý Thường Kiệt : người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai thắng lợi .

- HS giỏi biết được : Nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến : trí thông minh , lòng dũng cảm của nhân dân ta , sự tài giỏi của Lý Thường Kiệt

2.Kĩ năng:

- Tường thuật sinh động trận quyết chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt

3.Thái độ:

- Tự hào về truyền thống đấu tranh chống quân xâm lược của cha ông ta ngày xưa.

II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

-Hình minh hoạ (SGK)

- Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần 2

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp	1	HS chuẩn bị sách vở , đồ dùng học tập

<p>2. Kiểm tra bài cũ Chùa thời Lí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao dưới thời Lí nhiều người theo đạo phật? - Vì sao dưới thời Lí chùa được xây dựng nhiều? Kể tên một số chùa mà em biết? - GV nhận xét 	4	2 HS lên bảng trả lời Cả lớp theo dõi nhận xét
<p>3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài ❖ Sau lần thất bại đầu tiên năm 981 nhà Tống luôn áp ử âm mưu xâm lược nước ta lần nữa. Năm 1072, vua Lí Thánh Tông qua đời. Lí Nhân Tông lên ngôi mới 7 tuổi, nhân cơ hội đó quân Tống lại xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai diễn ra như thế nào? Bài học hôm nay giúp các em tìm hiểu điều đó</p>	1	HS ghi bài Cuộc kháng chiến chống quân tống xâm lược lần thứ hai (năm 1075 – 1077)
<p>3.2 Hoạt động 1: Lí Thường Kiệt chủ động tấn công quân Tống Mục tiêu: HS nêu được chủ trương của Lí Thường Kiệt tấn công làm suy yếu lực lượng giặc còn hơn chờ giặc đến Cách tiến hành: GV yêu cầu HS đọc SGK: “ Từ năm 1072 rút quân về” + Khi quân Tống đang xúc tiến việc xâm lược nước ta lần thứ 2, Lí Thường Kiệt có chủ trương gì? + Ông đã thực hiện chủ trương đó như thế nào? + Theo em việc Lí Thường Kiệt cho quân sang đánh quân Tống có tác dụng gì? GV nhận xét kết luận GV giảng thêm: Lí Thường Kiệt sinh năm 1019 mất năm 1105 người làng An Xá, huyện Quảng Đức nay thuộc địa phận Hà Nội. Ông là người giàu mưu lược có biệt</p>	10-12	Cả lớp đọc thầm thảo luận các câu hỏi + Ông đã chủ trương ngồi yên chờ giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc + Cuối năm 1075, ông đã chia 2 cánh đánh bất ngờ đánh úp rút về nước + Lí Thường Kiệt chủ động tấn công quân Tống không phải để xâm lược Tống mà để phá âm mưu xâm lược nước ta của nhà Tống

<p>tài làm tướng, làm quan. Trải qua 3 đời vua nhà Lí, ông có công lớn trong cuộc kháng chiến chống giặc Tống xâm lược, bảo vệ độc lập cho nước nhà.</p>		
<p>3.3Hoạt động 2: Trận chiến trên sông Như Nguyệt Mục tiêu: HS trình bày được diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ 2. Cách tiến hành: GV treo lược đồ của cuộc kháng chiến lên bảng. GV giúp HS trình bày diễn biến cuộc kháng chiến. + Lí Thường Kiệt đã làm gì để chuẩn bị chiến đấu với giặc? + Quân Tống xâm lược nước ta vào thời gian nào? + Quân Tống sang xâm lược nước ta như thế nào? Do ai chỉ huy? + Trận quyết chiến diễn ra ở đâu?Hãy kể lại trận chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt GV nhận xét, kết luận</p>	<p>8-10</p>	<p>HS thảo luận cả lớp HS theo dõi và trả lời câu hỏi</p> <p>- Ông cho xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt (sông Cầu ngày nay) -Vào cuối năm 1076</p> <p>+ Quân Tống kéo 10 vạn bộ binh, 1 vạn ngựa, 20 vạn dân phu do Quách Quỳ chỉ huy ồ ạt tiến vào nước ta + Trận chiến diễn ra trên phòng tuyến sông Như Nguyệt</p> <p>1 HS kể lại</p>
<p>3.4Hoạt động 3: Cuộc kháng chiến thắng lợi Mục tiêu: HS trình bày được nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến Cách tiến hành: - Nêu kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai? - Nguyên nhân nào dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến? GV cùng HS nhận xét</p>	<p>8</p>	<p>HS thảo luận nhóm- Đại diện nhóm trình bày – HS cả lớp theo dõi nhận xét. + Quân Tống bị chết quá nửa số còn lại tinh thần suy sụp + Lí Thường Kiệt chủ động giảng hoà để mở lối thoát cho giặc, Quách Quỳ rút về nước + Do quân dân ta rất dũng cảm, có tướng chỉ huy tài giỏi, quân ta ở thế chủ động tấn công quân Tống, lập phòng tuyến sông Như Nguyệt 2HS nêu</p>
<p>4. Củng cố 2 HS nêu nội dung ghi nhớ cuối bài - Nêu nguyên nhân và kết quả của</p>	<p>2</p>	<p>HS nêu nội dung bài học 2 Hs trả lời</p>

trận chiến? - Nhờ đâu mà cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai thắng lợi? - Nhận xét tiết học		
5. Dặn dò Học bài và chuẩn bị bài sau : Nhà Trần thành lập.	1	Hs chú ý nghe và thực hiện theo yêu cầu

TOÁN

TIẾT 63: NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (tt)

I.MỤC TIÊU :

1 Kiến thức

- Biết cách nhân với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục bằng 0.HS làm BT 1,2

2 . Kỹ năng:

- HS biết làm tính nhanh, chính xác

3. Thái độ: hs yêu thích học Toán

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Bảng con.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	TG	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức lớp Kiểm tra sĩ số	1	HS báo cáo Hát
2. Kiểm tra bài cũ Nhân với số có ba chữ số. - GV yêu cầu HS lên bảng làm lại BT1. -Nêu cách nhân với số có 3 chữ số? - GV nhận xét	4	- 3HS lên bảng sửa bài - HS cả lớp theo dõi nhận xét
3 Bài mới 3.1 Giới thiệu bài : Nhân với số có ba chữ số(tiếp theo)	1	HS ghi bài
3.2 Hoạt động1: Giới thiệu cách đặt tính (dạng rút gọn) -GV viết bảng: 258 x 203 -Yêu cầu HS đặt tính & tính trên bảng con. -Yêu cầu HS nhận xét về các tích	10	-HS tính trên bảng con,1HS tính trên bảng lớp $\begin{array}{r} 258 \\ \times 203 \\ \hline 774 \\ 000 \\ 516 \\ \hline 52374 \end{array}$ hoặc $\begin{array}{r} 258 \\ \times 203 \\ \hline 774 \\ 516 \\ \hline 52374 \end{array}$ -HS nhận xét. + Tích riêng thứ hai gồm toàn chữ số